

Bản án số: 471/2023/HS-ST
Ngày: 14/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trang Văn H

Ông: Trần Hữu H

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu L- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông, bà: Võ Hồng T- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 456/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hồ Sơn S**, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1997; giới tính: Nam; nơi sinh tại tỉnh Đ.

Nơi cư trú: 276D/5, khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: không.

Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 (đã chết); Con bà Phạm Thị L, sinh năm 1966 (còn sống); Gia đình có 02 (hai) anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 10/11/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đầu tháng ngày 16/5/2023, chuyển tạm giam theo lệnh số 886 ngày 26/5/202 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. (bị cáo S có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Nhật T, sinh năm: 1992. Ngụ tại số 159, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (bị hại có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 16/5/2023, Nguyễn Hồ Sơn S đang ngồi hút thuốc trước nhà tại số 276D/5, khu phố 9, phường T, thành phố B thì có bạn của S tên T (không rõ họ, địa chỉ) đến rủ đi ăn sáng và S đồng ý. S lấy xe mô tô hiệu Dream, không gắn biển số của S và giao cho T điều khiển chở S đi trên đường N đến khu vực khu phố 3, phường T, thành phố B. Khi đi ngang qua trước nhà số 159, khu phố 3, phường T của chị Nguyễn Thị

Nhật T làm chủ thì T phát hiện nhà không đóng cửa và trong phòng khách có dựng một xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 60F3-923.56 nên T rủ S trộm cắp xe mô tô trên thì S đồng ý. Lúc này, T điều khiển xe mô tô quay lại và đứng ngoài cảnh giới còn S đi bộ vào trong nhà chị T để lấy trộm xe, do trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên S mở khóa xe rồi dắt xe ra ngoài đường và khởi động máy chạy thoát. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T và S đã đem xe mô tô trộm cắp được của chị T đến khu vực “Cầu Sập” thuộc phường H, thành phố B và T đã bán xe cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được 2.300.000 đồng (Hai triệu, ba trăm nghìn đồng) rồi chia cho S 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị T đã trình báo Công an phường T. Đến khoảng 18 giờ ngày 16/5/2023, khi thấy Công an phường T đến nhà kiểm tra hành chính thì S đã khai báo hành vi trộm cắp xe mô tô của chị T nên Công an phường T đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

***Vật chứng của vụ án:**

- 01 chiếc xe mô tô biển số 60F3-923.56, do đối tượng T đã bán cho 01 (một) người không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa thu hồi được.

- 01 xe mô tô hiệu Drem không gắn biển số, có số máy VPJPCG012PJ005483, số khung VPJL1P50FMG005483 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S sử dụng vào việc phạm tội.

- Số tiền 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) là số tiền còn lại mà bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S có được từ việc phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 255/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô biển số 60F3-923.56, trị giá là 17.040.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm bốn chục nghìn đồng).

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Nhật T yêu cầu Nguyễn Hồ Sơn S bồi thường 17.040.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm bốn chục nghìn đồng). Hiện bị cáo S chưa bồi thường.

Cáo trạng số 451/CT-VKSBH ngày 09/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đối với đối tượng tên T đã cùng Nguyễn Hồ Sơn S thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 60F3-923.56 của chị Nguyễn Thị Nhật T nhưng chưa rõ họ, địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo S mức án từ 12 đến 14 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo S đã thừa nhận Ngày 16/5/2023, Nguyễn Hồ Sơn S và đối tượng tên T (chưa rõ họ, địa chỉ) đã thực hiện hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Nhật T 01 (một) xe mô tô biển số 60F3-923.56 trị giá 17.040.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm bốn chục nghìn đồng) tại nhà của chị T ở số 159, khu phố 3, phường T, thành phố B. Sau đó, S đầu thú và bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật. Bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện là thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Bị cáo đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu

Bị cáo có 01 tiền án:

Ngày 10/11/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với đối tượng tên T đã cùng Nguyễn Hồ Sơn S thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 60F3-923.56 của chị Nguyễn Thị Nhật T nhưng chưa rõ họ, địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

*Về xử lý vật chứng:

-Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Dream có số có số máy VPJPCG012PJ005483, số khung VPJL1P50FMG005483 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S do ông Nguyễn Công C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số 0002659 ngày 12/9/2023 để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

* Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị Nhật T tự nguyện có đơn rút yêu cầu bồi thường, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S bồi thường số tiền 17.040.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm bốn chục nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106, 135, 136, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2023.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Dream có số có số máy VPJPCG012PJ005483, số khung VPJL1P50FMG005483 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S do ông Nguyễn Công C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số 0002659 ngày 12/9/2023 để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Về trách nhiệm dân sự: không

Về án phí: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Bị cáo Nguyễn Hồ Sơn S, bị hại Nguyễn Thị Nhật T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trang Văn H

Trần Hữu H

Phạm Thị B